


Số: 313 /CV-CTX-KHTC
V/v: CBTT BCTC bán niên năm 2016

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **CTX**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 36 - Tòa nhà Keangnam Landmark 72, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
4. Điện thoại : (04) 6281.2000 Fax: (04) 3782.0176
5. Người thực hiện công bố thông tin:
Ông: Trần Anh Hải Chức vụ: Kế toán trưởng
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2016 của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được lập ngày 29/08/2016 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Giải trình các ý kiến lưu ý của kiểm toán.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.ctx.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

(*) Tài liệu đính kèm: 
- Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất bán niên năm 2016.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban TGD, HĐQT, BKS;
- Lưu KH-TC, VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



KẾ TOÁN TRƯỞNG
TRẦN ANH HẢI

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 56

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 13 tháng 4 năm 2007. Tổng Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 25 tháng 5 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 15 tháng 3 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại tầng 36, tòa nhà Keangnam Landmark 72, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Đà Nẵng	Lô 103 đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
3. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Lý Quốc Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Đinh Trần Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Vũ Hoàng Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Trần Anh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Anh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Nguyễn Tiến Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2016
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2016
Ông Đinh Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Ngô Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2016
Ông Đỗ Quang Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 4 tháng 3 năm 2016 là Ông Nguyễn Hưng, và từ ngày 5 tháng 3 năm 2016 đến ngày lập báo cáo này là Ông Phan Minh Tuấn, Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Phan Minh Tuấn đã ủy quyền cho Ông Đỗ Quốc Việt ký báo cáo tài chính kèm theo, theo giấy ủy quyền số 10/UQ-CTX-BTGD ngày 30 tháng 3 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
T. U. Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Số tham chiếu: 60997101/18490268/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.


Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đến các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó trình bày việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty chưa thanh toán cho ngân hàng các khoản gốc vay đã đáo hạn và lãi vay đã đáo hạn với số tiền lần lượt là 292,2 tỷ VND và 8 tỷ VND như đã trình bày trong Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 19. Các thông tin này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Tổng Công ty.
- Thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó trình bày việc Tổng Công ty đã ghi nhận chi phí đầu tư xây dựng tầng 1 của các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 thuộc Dự án Khu Đô thị mới Yên Hòa là tài sản cố định hữu hình dựa theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (“UBND TP Hà Nội”) ban hành ngày 31 tháng 8 năm 2006. Tuy nhiên, theo Công văn số 985/UB – NNĐC do UBND TP Hà Nội ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2004, Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao tầng 1 của các tòa nhà cao tầng này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định. Tổng Công ty hiện đang làm việc với các cơ quan hữu quan để giải quyết các nội dung này.
- Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó trình bày việc Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



CHI NHÁNH
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG
VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI

Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.276.735.363.317	1.349.163.701.388
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	10.090.274.176	32.192.574.538
111	1. Tiền		10.090.274.176	13.139.206.026
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	19.053.368.512
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.1	1.882.045.251	2.455.336.251
121	1. Chứng khoán kinh doanh		9.549.370.051	11.472.693.051
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(7.667.324.800)	(9.017.356.800)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		541.888.236.692	573.826.360.364
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	402.353.678.259	459.088.863.718
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	132.213.807.935	130.013.631.612
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	44.343.203.459	13.854.361.269
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	80.531.002.125	88.502.597.189
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,8	(117.553.455.086)	(117.633.093.424)
140	IV. Hàng tồn kho		687.943.763.409	696.124.025.016
141	1. Hàng tồn kho	10	687.943.763.409	696.124.025.016
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		34.931.043.789	44.565.405.219
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	906.181.667	41.209.648
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		32.088.096.927	42.587.430.376
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12	1.936.765.195	1.936.765.195
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		780.284.711.423	777.458.215.674
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.354.277.074	4.584.800.000
216	1. Các khoản phải thu dài hạn khác	8	4.354.277.074	4.584.800.000
220	II. Tài sản cố định		19.408.688.672	20.550.482.864
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	19.408.688.672	20.550.482.864
222	Nguyên giá		35.841.630.153	35.841.630.153
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.432.941.481)	(15.291.147.289)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	9.273.370.145	9.708.535.859
231	1. Nguyên giá		15.823.367.194	15.823.367.194
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.549.997.049)	(6.114.831.335)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	3.826.345.259	9.696.303.730
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15.1	3.826.345.259	9.696.303.730
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	740.828.678.719	729.454.902.450
251	1. Đầu tư vào công ty con	5.2.1	634.761.167.215	623.793.352.876
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	5.2.2	124.698.412.413	124.698.412.413
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2.3	15.525.008.701	15.525.008.701
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.2.4	(34.155.909.610)	(34.561.871.540)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.593.351.554	3.463.190.771
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.593.351.554	3.463.190.771
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.057.020.074.740	2.126.621.917.062

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.532.355.800.157	1.584.198.531.016
310	I. Nợ ngắn hạn		1.242.347.817.585	1.439.771.756.456
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	471.760.766.186	459.408.039.872
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	256.687.466.819	433.839.475.121
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	8.203.239.319	5.980.003.472
314	4. Phải trả người lao động		847.907.113	837.416.115
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	119.020.763.921	124.749.831.311
317	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	77.359.952	77.359.952
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	83.224.906.001	94.367.422.339
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	302.243.751.836	319.843.751.836
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		281.656.438	668.456.438
330	II. Nợ dài hạn		290.007.982.572	144.426.774.560
331	1. Phải trả người bán dài hạn	17.1	42.500.000.000	-
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	19	20.139.679.240	20.903.074.240
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	9.476.899.733	9.515.579.709
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	217.891.403.599	114.008.120.611
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		524.664.274.583	542.423.386.046
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	524.664.274.583	542.423.386.046
411	1. Vốn cổ phần đã góp	23.1	263.538.000.000	263.538.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		263.538.000.000	263.538.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		145.449.726.225	145.449.726.225
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.897.367.124	18.897.367.124
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.796.179.807	4.796.179.807
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		91.983.001.427	109.742.112.890
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		109.742.112.890	91.560.839.285
421b	- (Lỗ)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(17.759.111.463)	18.181.273.605
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.057.020.074.740	2.126.621.917.062

T. U. Q TÔNG GIÁM ĐỐC

Người lập
Hoàng Thị Hương Lan

Kế toán trưởng
Trần Anh Hải



Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Quốc Việt

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	179.593.672.525	121.183.155.428
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	179.593.672.525	121.183.155.428
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(173.588.280.813)	(100.557.656.371)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.005.391.712	20.625.499.057
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.3	126.236.947	2.022.970.667
22	7. Chi phí tài chính	27	(8.543.511.378)	(6.347.450.314)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(8.949.473.308)	(5.124.929.304)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(9.834.232.539)	(10.607.710.939)
30	10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.246.115.258)	5.693.308.471
31	11. Thu nhập khác		-	38.740.909
32	12. Chi phí khác	29	(3.292.925.158)	(474.749.123)
40	13. Lỗ khác		(3.292.925.158)	(436.008.214)
50	14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(15.539.040.416)	5.257.300.257
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(2.220.071.047)	(3.445.255.986)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	(386.332.115)
60	17. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(17.759.111.463)	1.425.712.156

T.Ư. Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

Người lập
Hoàng Thị Hương Lan

Kế toán trưởng
Trần Anh Hải



Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Quốc Việt

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(15.539.040.416)	5.257.300.257
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	13,14	1.576.959.906	1.587.126.574
03	(Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng		(485.600.268)	894.223.790
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(1.756.055.070)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	25.3	(126.236.947)	(258.856.097)
06	Chi phí lãi vay	27	8.949.473.308	5.124.929.304
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.624.444.417)	10.848.668.758
09	Giảm các khoản phải thu		64.649.942.331	45.649.697.694
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		24.625.822.477	(1.330.893.060)
11	Giảm các khoản phải trả		(153.083.979.571)	(86.881.067.440)
12	Giảm chi phí trả trước		4.867.198	2.159.171.040
14	Tiền lãi vay đã trả		(6.365.846.030)	(12.935.563.112)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	-	(8.893.458.612)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(386.800.000)	(672.499.920)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(76.180.438.012)	(52.055.944.652)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(38.210.002.621)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.800.823.946)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		2.605.757.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con và các đơn vị khác		(11.069.314.339)	(3.962.827.191)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	950.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		93.770.947	142.445.908
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(32.170.610.338)	(41.080.383.904)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	22	114.444.439.988	339.236.079.519
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(28.161.157.000)	(289.956.902.511)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(34.535.000)	(109.125.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		86.248.747.988	49.170.051.808

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(22.102.300.362)	(43.966.276.748)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		32.192.574.538	79.840.291.971
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	10.090.274.176	35.874.015.223

T.U.Q TÓNG GIÁM ĐỐC


Người lập
Hoàng Thị Hương Lan


Kế toán trưởng
Trần Anh Hải



Ngày 29 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Tổng Công ty") là một công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 13 tháng 4 năm 2007. Tổng Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 25 tháng 5 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 15 tháng 3 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ của Tổng Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát triển bất động sản, và xây lắp nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty có thể kéo dài hơn 12 tháng, tùy thuộc vào tính chất, phạm vi của các dự án bất động sản và hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty thực hiện.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại tầng 36, tòa nhà Keangnam Landmark 72, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và các chi nhánh sau:

<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Đà Nẵng	ác công ty con cung cấp dịch vụ và Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
3. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 47 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 78 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có các công ty con như trình bày dưới đây:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần CTX số 1	100	Tầng 36, tòa nhà Keangnam Landmark Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Công ty TNHH MTV Quản lý Bất động sản Constrexim	100	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý các tòa nhà chung cư, quản lý bất động sản và cho thuê văn phòng
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	81	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
4	Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	100	Tầng 36, tòa nhà Keangnam Landmark Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	94	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Phát triển dự án bất động sản
6	Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	89	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Phát triển dự án bất động sản
7	Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	98	Số 184A, Thủ Khoa Huân, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Xây dựng công trình và phát triển dự án thủy điện
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	99,9	Tầng 36, tòa nhà Keangnam Landmark Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại
9	Công ty TNHH MTV Dự án du lịch Quảng Nam	100	Phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Phát triển dự án bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) vào ngày 29 tháng 8 năm 2016

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.

2.2 Cơ sở hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty chưa thanh toán cho ngân hàng các khoản gốc vay đã đáo hạn và lãi vay đã đáo hạn với số tiền lần lượt là 292,2 tỷ VND và 8 tỷ VND như đã trình bày trong Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 19.

Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã thu xếp kế hoạch tài chính để thanh toán hoặc xin gia hạn các khoản nợ đến hạn trả của Tổng Công ty. Trên cơ sở đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm bất động sản mua để bán, bất động sản tự phát triển để bán và chi phí xây dựng dở dang của các hợp đồng xây lắp.

Bất động sản để bán

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tổng Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của các bất động sản mua để bán bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác đến việc mua bất động sản.

Giá thành của các bất động sản tự phát triển để bán bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí san lấp, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu, chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các hợp đồng xây lắp

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các hợp đồng xây lắp bao gồm giá trị nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thuê phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các chi phí chung được phân bổ theo chỉ hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ, các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu, liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 35 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	25 năm
Tài sản khác	5 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ khi thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ chi phí đi vay được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và/hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian của các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ Luật Lao động.

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*: quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- ▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*: quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.
- ▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*: là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, được trích lập để bổ sung vốn điều lệ khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro trọng yếu và các lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang cho người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro trọng yếu và các lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản đã được chuyển sang cho người mua, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được các điều kiện trên, các khoản thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán riêng đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần, kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo giữa niên độ phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.16 Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản mua để chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp đến việc mua bất động sản.

Giá vốn bất động sản tự xây dựng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất và nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- ▶ Các chi phí về đất và phát triển đất;
- ▶ Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng và hoàn thiện bất động sản; và
- ▶ Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung, chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng, chi phí tư vấn, chi phí quản lý chung v.v.).

3.17 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và hợp đồng xây dựng được thanh toán theo giá trị khối lượng đã thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập hoặc Tổng Công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	1.371.940.842	1.435.155.217
Tiền gửi ngân hàng	8.718.333.334	11.704.050.809
Các khoản tương đương tiền	-	19.053.368.512
TỔNG CỘNG	<u>10.090.274.176</u>	<u>32.192.574.538</u>

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:		
Các khoản nợ được chuyển thành khoản đầu tư vào các công ty con	-	128.484.957
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	114.444.439.988	339.236.079.519
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(28.161.157.000)	(289.923.902.511)
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	(33.000.000)

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016				Ngày 31 tháng 12 năm 2015				Đơn vị tính: VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng (**)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Công ty Constrexim Việt CZ	5.600	862.400.000	(*)	-	5.600	862.400.000	(*)	-	
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	-	-	-	-	212.330	1.923.323.000	573.291.000	(1.350.032.000)	
Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông	96.000	7.000.000.000	816.000.000	(6.184.000.000)	96.000	7.000.000.000	816.000.000	(6.184.000.000)	
Các cổ phiếu khác	27.079	1.686.970.051	203.645.251	(1.483.324.800)	27.079	1.686.970.051	203.645.251	(1.483.324.800)	
TỔNG CỘNG		9.549.370.051	1.019.645.251	(7.667.324.800)		11.472.693.051	1.592.936.251	(9.017.356.800)	

(*) Do cổ phiếu của công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tổng Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: VND	
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
9.017.356.800	8.971.971.112
(1.350.032.000)	-
7.667.324.800	8.971.971.112

Số dư đầu kỳ
Sử dụng dự phòng trong kỳ
Số dư cuối kỳ

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

5.2.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Đơn vị tính: VND	
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)		Giá trị ghi sổ
<i>Các công ty con sản xuất kinh doanh</i>								
Công ty Cổ phần CTX số 1	2.058.000	100	20.580.000.000	(8.001.110.179)	2.058.000	100	20.580.000.000	(6.862.210.753)
Công ty TNHH MTV Quản lý Bất động sản Constrexim		100	1.000.000.000	(189.847.667)		100	1.000.000.000	-
<i>Các công ty con đầu tư dự án</i>								
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	9.588.000	94	121.392.900.000	(13.856.983)	9.588.000	94	121.392.900.000	(13.856.983)
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	8.442.950	99,9	123.228.909.569	-	8.437.092	100	117.370.924.388	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina		100	116.239.267.976	-		100	112.152.149.958	-
Công ty TNHH MTV Dự án Du lịch Quảng Nam	5.317.750	89	53.177.500.000	-	5.317.750	89	53.177.500.000	-
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	454.160	98	50.759.589.670	(196.875.314)	443.933	98	49.736.878.530	(196.875.314)
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	810.000	81	8.100.000.000	(5.708.284.722)	810.000	81	8.100.000.000	(8.100.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim								
TỔNG CỘNG			634.761.167.215	(14.109.974.865)			623.793.352.876	(15.172.943.050)

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Đơn vị tính: VND	
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ		Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	20.000	20	1.000.000.000	-	20.000	20	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	20.408	20	1.000.000.000	-	20.408	20	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	54.000	30	1.800.000.000	-	54.000	30	1.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Constrexim Đồng Đô	72.900	27	2.700.000.000	(1.112.522.332)	72.900	27	2.700.000.000	(455.516.077)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Constrexim (ICC)	90.000	30	3.000.000.000	-	90.000	30	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	100.000	20	5.000.000.000	-	100.000	20	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Constrexim Đức Tân Long	516.136	28	18.433.412.413	(18.433.412.413)	516.136	28	18.433.412.413	(18.433.412.413)
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Tân	4.376.500	40	91.765.000.000	-	4.376.500	40	91.765.000.000	-
			124.698.412.413	(19.545.934.745)			124.698.412.413	(18.888.928.490)

TỔNG CỘNG

Bao gồm trong giá trị các khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là giá trị lợi thế doanh nghiệp được Tổng Công ty dùng để góp vốn vào các công ty liên kết với số tiền là 3.932.770.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.932.770.000 VND).

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.3 Đầu tư vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND	
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi số	Số lượng (cổ phiếu)		Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	341.211	11,37	3.412.110.000	341.211	11,37	3.412.110.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cảnh Viên	276.570	18,44	2.765.700.000	276.570	18,44	2.765.700.000
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	192.000	12,00	1.920.000.000	192.000	12,00	1.920.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và Xây lắp Cao tầng	180.000	6,69	1.800.000.000	180.000	6,69	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim số 8	97.938	5,00	979.383.081	97.938	5,00	979.383.081
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	69.000	7,04	690.000.000	69.000	7,04	690.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng	66.000	1,73	660.000.000	66.000	1,73	660.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Constrexim (HOD)	62.500	0,89	625.000.000	62.500	0,89	625.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim TM	54.995	3,44	549.950.000	54.995	3,44	549.950.000
Công ty Cổ phần Constrexim Mecco	50.000	5,00	500.000.000	50.000	5,00	500.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	50.000	2,00	500.000.000	50.000	2,00	500.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	45.000	5,00	450.000.000	45.000	5,00	450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim (CIC)	40.000	2,00	400.000.000	40.000	2,00	400.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Hải Phòng	27.287	4,70	272.865.620	27.287	4,70	272.865.620
TỔNG CỘNG			15.525.008.701			15.525.008.701

TỔNG CỘNG

Bao gồm trong giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là giá trị lợi thế doanh nghiệp được Tổng Công ty dùng để góp vốn vào các đơn vị nhận vốn đầu tư với số tiền là 6.907.400.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.907.400.000 đồng).

Tổng Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số dư đầu kỳ	34.561.871.540	40.672.878.812
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.985.753.348	894.223.790
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.391.715.278)	-
Số dư cuối kỳ	<u>34.155.909.610</u>	<u>41.567.102.602</u>
Trong đó:		
<i>Dự phòng đầu tư vào các công ty con</i>	14.109.974.865	14.548.764.112
<i>Dự phòng đầu tư vào các công ty liên kết</i>	19.545.934.745	27.018.338.490
<i>Dự phòng đầu tư vào dài hạn khác</i>	500.000.000	-

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	383.904.256.099	439.937.552.099
- Công ty Cổ phần PVI	69.805.146.500	69.805.146.500
- Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	62.377.877.988	62.377.877.988
- Viễn thông Bắc Ninh	45.676.680.111	49.809.680.111
- Công ty TNHH Thép Việt Nga	7.961.132.360	32.761.132.360
- Các khách hàng khác	198.083.419.140	225.183.715.140
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>18.449.422.160</u>	<u>19.151.311.619</u>
TỔNG CỘNG	<u>402.353.678.259</u>	<u>459.088.863.718</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(70.209.021.638)	(67.048.154.057)
Trong đó:		
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi từ các bên liên quan</i>	(16.014.512.620)	(16.014.512.620)
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi từ các khách hàng khác</i>	(54.194.509.018)	(51.033.641.437)

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho người bán ngắn hạn	94.989.938.311	96.812.870.092
- Công ty Cổ phần Constrexim 16	14.217.553.004	14.217.553.004
- Công ty Cổ phần An Ánh Hùng	7.391.218.318	13.207.347.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn	1.442.561.364	9.196.938.722
- Các khoản trả trước khác	71.938.605.625	60.191.031.366
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>37.223.869.624</u>	<u>33.200.761.520</u>
TỔNG CỘNG	<u>132.213.807.935</u>	<u>130.013.631.612</u>
Dự phòng trả trước cho người bán khó thu hồi	(25.849.128.338)	(28.671.128.338)
Trong đó:		
Dự phòng trả trước cho người bán khó thu hồi từ các bên liên quan	(14.985.467.938)	(17.807.467.938)
Dự phòng trả trước cho người bán khó thu hồi từ các đối tượng khác	(10.863.660.400)	(10.863.660.400)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	43.045.211.109	12.556.368.919
Phải thu về cho vay đối tượng khác	<u>1.297.992.350</u>	<u>1.297.992.350</u>
TỔNG CỘNG	<u>44.343.203.459</u>	<u>13.854.361.269</u>

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Tạm ứng để thực hiện các hợp đồng xây dựng và các dự án đầu tư bất động sản	63.396.238.049	62.134.951.915
Tạm ứng để thực hiện các hoạt động khác	5.379.433.272	4.777.673.708
Phải thu kinh phí tạm ứng cho công ty con	1.056.224.087	9.364.475.464
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	7.084.999.000	7.984.999.000
Phải thu phần trả hộ vốn góp	1.617.500.000	1.617.500.000
Phải thu khác	1.996.607.717	2.622.997.102
	80.531.002.125	88.502.597.189
Dài hạn		
Ký quỹ tại ngân hàng để thực hiện dự án	-	1.134.800.000
Ký quỹ thực hiện Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp tại Quảng Nam	3.450.000.000	3.450.000.000
Ký quỹ để phát hành bảo lãnh thực hiện dự án Trụ sở Bộ Ngoại Giao	902.290.018	-
Khác	1.987.056	-
	4.354.277.074	4.584.800.000
TỔNG CỘNG	84.885.279.199	93.087.397.189
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>82.369.565.695</i>	<i>81.541.006.386</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>2.515.713.504</i>	<i>11.546.390.803</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(21.495.305.110)	(21.913.811.029)

9. NỢ XẤU

Chi tiết các khoản phải thu và tạm ứng quá hạn thu hồi đã lập dự phòng của Tổng Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	70.804.620.703	595.599.065	67.643.753.122	595.599.065
Trả trước cho người bán ngắn hạn	25.849.128.338	-	30.921.460.357	2.250.332.019
Các khoản tạm ứng nội bộ	20.598.070.548	-	21.016.576.467	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	898.256.362	1.021.800	898.256.362	1.021.800
TỔNG CỘNG	118.150.075.951	596.620.865	120.480.046.308	2.846.952.884

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các hợp đồng xây dựng	21.787.852.421		36.581.219.423	-
Hàng hóa bất động sản thuộc Dự án Olalani	208.506.670.286	-	208.506.670.286	-
Tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Quốc tế Đông Dương Sapa	135.080.194.760	-	129.488.601.919	-
Toà nhà hỗn hợp Constrexim Complex	13.713.632.928	-	144.129.482.469	-
Tòa nhà Văn phòng và Thương mại Constrexim Plaza	211.855.181.965	-	89.789.795.377	-
Tòa nhà Tây Hồ Park View	90.589.424.214	-	87.628.255.542	-
	6.410.806.835	-	-	-
TỔNG CỘNG	687.943.763.409	-	696.124.025.016	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	906.181.667	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	41.209.648
TỔNG CỘNG	906.181.667	41.209.648
Dài hạn		
Giá trị lợi thế doanh nghiệp góp vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (*)	2.240.998.853	2.887.500.000
Chi phí sửa chữa lớn văn phòng	-	376.765.649
Chi phí trả trước dài hạn khác	352.352.701	198.925.122
TỔNG CỘNG	2.593.351.554	3.463.190.771

(*) Theo Quyết định số 1207/QĐ - BXD ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 22 tháng 8 năm 2006 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty Đầu tư và Xuất nhập khẩu Việt Nam (tên của Tổng Công ty trước khi hoàn thành cổ phần hóa), giá trị lợi thế doanh nghiệp đã được định giá với số tiền là 9.000.000.000 đồng và được phân bổ vào chi phí hàng năm trong thời gian là 10 năm (Thuyết minh số 23.2).

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho tiền ứng trước của khách hàng mua bất động sản	1.767.783.811	1.767.783.811
Các khoản phải thu khác	168.981.384	168.981.384
TỔNG CỘNG	1.936.765.195	1.936.765.195

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	21.804.130.123	12.882.155.366	426.093.068	729.251.596	35.841.630.153
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	21.804.130.123	12.882.155.366	426.093.068	729.251.596	35.841.630.153
<i>Trong đó:</i>					
<i>Giá trị tài sản đã khấu hao hết</i>	<i>5.173.637.098</i>	<i>2.296.687.129</i>	<i>395.193.047</i>	<i>729.251.596</i>	<i>8.594.768.870</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	6.423.813.634	7.739.390.198	398.691.861	729.251.596	15.291.147.289
Khấu hao trong kỳ	436.082.604	700.561.588	5.150.000	-	1.141.794.192
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	6.859.896.238	8.439.951.786	403.841.861	729.251.596	16.432.941.481
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	15.380.316.489	5.142.765.168	27.401.207	-	20.550.482.864
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	14.944.233.885	4.442.203.580	22.251.207	-	19.408.688.672

Bao gồm trong nhóm Nhà cửa và vật kiến trúc là các tầng 1 thuộc các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 trong Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 6,42 tỷ đồng. Các tài sản này đã được Tổng Công ty ghi nhận là tài sản cố định và trích khấu hao trên cơ sở áp dụng Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án Khu đô thị mới, Khu nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội. Theo đó, Tổng Công ty với tư cách là chủ đầu tư được quản lý, sử dụng toàn bộ tầng 1 nhà chung cư cao tầng để sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ công ích khu đô thị, phục vụ cho việc quản lý duy trì khu dân cư, có trách nhiệm tổ chức việc quản lý, vận hành khu chung cư theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố. Như được trình bày tại Thuyết minh số 34, Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao các tầng 1 này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo Công văn số 985/UB – NNĐC do UBND thành phố Hà Nội ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2004. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan chức năng để xử lý các nội dung này.

Ngoài ra, bao gồm trong nhóm Nhà cửa, vật kiến trúc là các tầng tum, tầng hầm và sàn tầng 1 thuộc tòa nhà CT3, CT6 trong Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 8,2 tỷ đồng. Tổng Công ty đã ghi nhận các tài sản này là các tài sản cố định của Tổng Công ty dựa trên Công văn số 09/BXD-QLN của Bộ Xây dựng ngày 7 tháng 1 năm 2013. Tổng Công ty và các cơ quan Nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác đang trong quá trình làm việc để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng liên quan đến các tài sản nêu trên.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	14.497.670.767	1.325.696.427	15.823.367.194
Tăng trong kỳ	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>14.497.670.767</u>	<u>1.325.696.427</u>	<u>15.823.367.194</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	4.945.366.324	1.169.465.011	6.114.831.335
Khấu hao trong kỳ	302.596.074	132.569.640	435.165.714
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>5.247.962.398</u>	<u>1.302.034.651</u>	<u>6.549.997.049</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>9.552.304.443</u>	<u>156.231.416</u>	<u>9.708.535.859</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>9.249.708.369</u>	<u>23.661.776</u>	<u>9.273.370.145</u>

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng và một số công trình khác tại Khu Đô thị mới Yên Hòa được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động. Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho mục đích thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo yêu cầu tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 5 – Bất động sản đầu tư.

15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

15.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tòa nhà Tây Hồ Park View	-	5.956.261.380
Các dự án khác	3.826.345.259	3.740.042.350
TỔNG CỘNG	<u>3.826.345.259</u>	<u>9.696.303.730</u>

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tổng Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị khoảng 10,5 tỷ đồng (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 16,4 tỷ đồng). Đây là chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay nhằm phục vụ mục đích phát triển các dự án bất động sản của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn:		
Phải trả cho người bán	173.018.262.628	143.612.924.438
- Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San	95.500.000.000	26.071.430.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Long An	3.142.706.247	29.972.503.765
- Các đối tượng khác	74.375.556.381	87.568.990.673
Phải trả cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 32)	298.742.503.558	315.795.115.434
	471.760.766.186	459.408.039.872
Dài hạn:		
Phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San	42.500.000.000	-
	42.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	514.260.766.186	459.408.039.872

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	173.953.400.748	174.142.584.673
Trong đó:		
- Tạm ứng từ khách hàng mua bất động sản (*)	92.729.223.311	92.729.223.311
- Tạm ứng cho các hợp đồng xây lắp	79.921.671.764	80.110.855.689
- Tạm ứng cho các hoạt động khác	1.302.505.673	1.302.505.673
Bên liên quan trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 32)	82.734.066.071	259.696.890.448
TỔNG CỘNG	256.687.466.819	433.839.475.121

(*) Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với một đối tác khách hàng để thanh lý hợp đồng chuyển nhượng bất động sản trong Dự án Olalani Đà Nẵng với đối tác này. Theo biên bản làm việc với đại diện của đối tác này, sau khi hai bên ký kết thanh lý hợp đồng chuyển nhượng bất động sản, Tổng Công ty có thể phải trả thêm một khoản tiền ngoài các khoản tạm ứng từ khách hàng với giá trị tối đa là 13% của các khoản tạm ứng đó. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, thanh lý hợp đồng chuyển nhượng bất động sản chưa được ký kết.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.1)	5.846.842.187	2.220.071.047		8.066.913.234
Các loại thuế khác	133.161.285	3.164.800		136.326.085
TỔNG CỘNG	5.980.003.472	2.223.235.847	-	8.203.239.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tổng Công ty đã cản trừ khoản thuế giá trị gia tăng đã nộp hai lần cho cơ quan thuế trong các năm 2006 và 2007 với cùng một số tiền là 29.651.015.288 đồng với thuế giá trị gia tăng phải trả trong tháng 12 năm 2011. Khoản thuế nộp hai lần này phát sinh do doanh thu liên quan đã được coi là doanh thu chịu thuế cho cả hai năm 2005 và năm 2006 theo Biên bản thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế năm 2005 do đoàn thanh tra của Cục thuế thành phố Hà Nội ký ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Biên bản thanh tra thuế cho năm 2006 và 5 tháng đầu năm 2007 do một đoàn thanh tra khác của Cục thuế thành phố Hà Nội ký ngày 25 tháng 10 năm 2007, do Cục thuế thành phố Hà Nội đã thay đổi cách quyết toán thuế giữa quyết toán thuế theo tờ khai và quyết toán thuế theo báo cáo tài chính. Tổng Công ty đã kê khai khoản thuế nộp thừa này trong tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng 12 năm 2011 và đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế để xử lý khoản thuế nộp thừa nói trên.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Chi phí phải trả của Dự án Tòa nhà Văn phòng PVI	20.737.005.056	35.799.376.091
Chi phí xây dựng trích trước cho hợp đồng xây lắp nhà số 1&5 đường Lê Duẩn, thành phố Hồ Chí Minh	30.966.750.377	30.966.750.377
Chi phí phát triển đất và chi phí xây dựng trích trước cho Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa	29.875.118.696	29.875.118.696
Tiền sử dụng đất trích trước cho Dự án Khu nhà ở Mai Hương	10.515.054.241	10.515.054.241
Chi phí trích trước cho hợp đồng xây lắp Công trình cấp nước Hải Dương	5.328.141.780	9.524.681.151
Chi phí xây dựng trích trước cho các hợp đồng xây lắp khác	193.004.306	1.069.045.290
Chi phí xây dựng trích trước cho Dự án Tòa nhà Văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu	1.477.071.127	1.477.071.127
Trích trước chi phí lãi vay (*)	18.722.975.745	2.130.773.701
Chi phí phải trả khác	1.205.642.593	3.391.960.637
	119.020.763.921	124.749.831.311
Dài hạn		
Tiền thuê đất trích trước cho dự án Khu Đô thị mới Yên Hòa	19.676.665.803	20.282.233.803
Dự phòng trợ cấp thôi việc	463.013.437	620.840.437
	20.139.679.240	20.903.074.240
TỔNG CỘNG	139.160.443.161	145.652.905.551
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>23.868.074.138</i>	<i>17.816.257.776</i>
<i>Chi phí phải trả cho các bên khác</i>	<i>115.292.369.023</i>	<i>127.836.647.775</i>

(*) Bao gồm trong chi phí lãi vay phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là chi phí lãi vay quá hạn thanh toán và chi phí phạt tính trên nợ gốc và lãi vay quá hạn với số tiền lần lượt là 8 tỷ VND và 3,2 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn bao gồm các khoản tiền thuê ứng trước của khách hàng để thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Nhận đặt cọc từ Công ty Cổ phần FPT để phát triển dự án bất động sản	40.000.000.000	40.000.000.000
Các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa Tổng Công ty (i)	23.017.807.009	23.017.807.009
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cụm dự án thủy điện	-	10.000.000.000
Khoản mượn vốn không chịu lãi từ Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Tân	9.500.000.000	9.500.000.000
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	2.613.675.857	2.648.210.857
Tiền đặt cọc của các cá nhân để mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	1.800.000.000	1.800.000.000
Các khoản phải trả khác	<u>6.293.423.135</u>	<u>7.401.404.473</u>
	83.224.906.001	94.367.422.339
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>9.667.266.251</i>	<i>9.667.266.251</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>73.557.639.750</i>	<i>84.700.156.088</i>

(i) Đây là một phần của khoản thặng dư vốn cổ phần phát sinh từ đợt chào bán cổ phần của Tổng Công ty ra thị trường trong tháng 6 năm 2007 và các khoản phải trả khác còn phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp (“Quỹ HTSXPTDN”) do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) quản lý. Tổng Công ty hiện đang thực hiện việc hoàn thành hồ sơ quyết toán cổ phần hóa doanh nghiệp theo các văn bản:

- Văn bản số 714/VPCP-ĐMDN của Văn phòng Chính phủ ngày 28 tháng 1 năm 2015 về việc đồng ý để Bộ Xây dựng quyết toán và bàn giao vốn nhà nước cho Tổng Công ty theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 ngày 18 tháng 7 năm 2011 (“Văn bản 714”); và
- Văn bản số 11603/BTC-TCDN do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2013 về việc xử lý khoản chậm nộp về Quỹ HTSXPTDN và Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty.

Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan chức năng nhằm hoàn tất các thủ tục sau cổ phần hóa và xác định lại giá trị của các khoản phải nộp về Quỹ HTSXPTDN do SCIC quản lý theo hướng dẫn tại các văn bản nêu trên.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng (*)	319.843.751.836	319.843.751.836	-	(27.600.000.000)	292.243.751.836	292.243.751.836	
Vay từ các đối tượng khác	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	
	319.843.751.836	319.843.751.836	10.000.000.000	(27.600.000.000)	302.243.751.836	302.243.751.836	
Vay dài hạn							
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	114.008.120.611	114.008.120.611	104.444.439.988	(561.157.000)	217.891.403.599	217.891.403.599	
	433.851.872.447	433.851.872.447	114.444.439.988	(28.161.157.000)	520.135.155.435	520.135.155.435	

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản vay ngân hàng quá hạn thanh toán với số tiền là 292,2 tỷ VND. Tổng Công ty đang trong quá trình đàm phán với ngân hàng để xử lý các khoản vay và lãi vay quá hạn phải trả này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi vay</i>	<i>Lãi suất năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Long Biên	228.843.751.836	Gốc vay đáo hạn từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 4 năm 2016. Lãi được trả hàng tháng.	Áp dụng theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh hàng tháng. Lãi suất áp dụng trong kỳ hiện tại là từ 7,5%/năm đến 7,7%/năm.	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long	50.000.000.000	Gốc vay đáo hạn từ tháng 2 năm 2016 đến tháng 3 năm 2016. Lãi được trả hàng tháng.	Áp dụng theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh hàng tháng. Lãi suất áp dụng trong kỳ hiện tại là 7,8%/năm.	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	13.400.000.000	Gốc vay đáo hạn trong tháng 4 năm 2016. Lãi được trả hàng tháng.	9%/năm	Quyền sở hữu tài sản tầng 1 đến tầng 4 tại Tòa nhà hỗn hợp HH2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
TỔNG CỘNG	<u>292.243.751.836</u>			

22.2 Vay ngắn hạn đối tượng khác

Chi tiết khoản vay ngắn hạn đối tượng khác được trình bày như sau:

<i>Cá nhân</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi vay</i>	<i>Lãi suất năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ông Trần Minh Sơn	10.000.000.000	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016. Lãi vay được trả khi đáo hạn gốc vay.	6%	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.3 Vay dài hạn các bên liên quan

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	31.783.165.380	Hoàn trả khi dự án Khu căn hộ cap cấp và khách sạn Ocean View Nha Trang hoàn thành	0%/năm
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	13.716.798.231	Hoàn trả khi dự án Khu nghỉ dưỡng Champa Legend Resort & Spa hoàn thành	0%/năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Thương mại Constrexim	2.741.439.988	Gốc vay đáo hạn ngày 3 tháng 5 năm 2018	0%/năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	169.650.000.000	Gốc vay đáo hạn từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2018. Lãi vay được trả hàng năm.	Lãi suất bằng với lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Long Biên. Lãi suất áp dụng trong kỳ hiện tại là 10%/năm
TỔNG CỘNG	<u>217.891.403.599</u>		

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	263.538.000.000	145.449.726.225	18.897.367.124	4.796.179.807	91.560.839.285	524.242.112.441	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	-	-	-	1.425.712.156	1.425.712.156	
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	263.538.000.000	145.449.726.225	18.897.367.124	4.796.179.807	92.986.551.441	525.667.824.597	
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	263.538.000.000	145.449.726.225	18.897.367.124	4.796.179.807	109.742.112.890	542.423.386.046	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	-	-	-	(17.759.111.463)	(17.759.111.463)	
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	263.538.000.000	145.449.726.225	18.897.367.124	4.796.179.807	91.983.001.427	524.664.274.583	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>
Vốn góp của các cổ đông	263.538.000.000	263.538.000.000	263.538.000.000	263.538.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	145.449.726.225	145.449.726.225	145.449.726.225	145.449.726.225
TỔNG CỘNG	408.987.726.225	408.987.726.225	408.987.726.225	408.987.726.225

23.3 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	26.353.800	263.538.000.000	26.353.800	263.538.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng và đang được lưu hành	26.353.800	263.538.000.000	26.353.800	263.538.000.000
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông đang được niêm yết</i>	<i>26.353.800</i>	<i>263.538.000.000</i>	<i>26.353.800</i>	<i>263.538.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2015: 10.000 đồng/cổ phiếu).

24. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	500	810
- Euro (EUR)	89	89
- Bảng Anh (GBP)	17	17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng doanh thu	179.593.672.525	121.183.155.428
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	178.645.901.640	14.006.865.051
Doanh thu bán hàng hóa	-	105.102.388.187
Doanh thu cho thuê văn phòng	947.770.885	2.073.902.190
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	179.593.672.525	121.183.155.428

25.2 Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ và doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	-	1.625.050.296
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	178.645.901.640	12.381.814.755
TỔNG CỘNG	178.645.901.640	14.006.865.051
Doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán	587.144.665.399	366.720.700.371

25.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi	93.770.947	258.856.097
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	32.466.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.764.114.570
TỔNG CỘNG	126.236.947	2.022.970.667

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn hợp đồng xây dựng	184.954.852.326	14.860.668.972
Các khoản điều chỉnh giá vốn bất động sản được chuyển nhượng (*)	(12.237.819.831)	(19.429.859.506)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	104.473.639.889
Giá vốn của hoạt động cho thuê	871.248.318	653.207.016
TỔNG CỘNG	<u>173.588.280.813</u>	<u>100.557.656.371</u>

(*) Các khoản này gồm điều chỉnh giá vốn theo quyết toán đầu tư dự án và hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành công trình tòa nhà PVI đã trích trong năm 2013.

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	8.949.473.308	5.124.929.304
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	328.297.220
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(405.961.930)	894.223.790
TỔNG CỘNG	<u>8.543.511.378</u>	<u>6.347.450.314</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nhân công	4.711.600.278	4.049.054.101
Chi phí khấu hao	705.711.588	933.919.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.260.659.110	3.378.079.188
Chi phí khác	1.156.261.563	2.246.658.092
TỔNG CỘNG	<u>9.834.232.539</u>	<u>10.607.710.939</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Các khoản phạt do chậm thanh toán	3.235.566.230	-
Chi phí khác	57.358.928	474.749.123
TỔNG CỘNG	3.292.925.158	474.749.123

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	-	94.441.440.242
Chi phí nhân công	4.711.600.278	4.640.003.813
Chi phí khấu hao	1.576.959.906	1.587.126.574
Điều chỉnh giá vốn bất động sản đã được chuyển nhượng	(12.237.819.831)	(19.429.859.506)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.107.464.358	32.333.232.282
Chi phí khác	6.214.088.563	6.318.033.526
TỔNG CỘNG	169.372.293.274	119.889.976.931

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Tổng Công ty trong kỳ hiện tại là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.539.040.416)	5.257.300.257
<i>Các điều chỉnh (lỗ)/lợi nhuận theo kế toán</i>		
Chi phí không được khấu trừ	428.832.718	376.623.790
Chi trợ cấp thôi việc	(157.827.000)	(169.485.000)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện kỳ trước đã thực hiện trong kỳ này	-	(114.782.384)
Lãi chênh lệch tỷ giá từ đánh giá khoản phải thu và tiền có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	(1.756.055.070)
(Lỗ)/lợi nhuận chịu thuế ước tính trong kỳ	(15.268.034.698)	3.593.601.593
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận từ hoạt động bất động sản</i>	<i>11.100.355.236</i>	<i>15.660.254.480</i>
<i>Lỗ từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác</i>	<i>(26.368.389.934)</i>	<i>(12.066.652.887)</i>
Thuế TNDN phải nộp ước tính trong kỳ	2.220.071.047	3.445.255.986
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	5.846.842.187	8.733.407.984
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	(8.893.458.612)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	8.066.913.234	3.285.205.358

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản lỗ lũy kế từ hoạt động xây lắp và hoạt động khác với tổng giá trị là 28.587.538.129 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.219.148.195 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Năm/kỳ phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2016
Năm 2015	2020 (1)	(2.219.148.195)			(2.219.148.195)
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	2021 (1)	(26.368.389.934)	-	-	(26.368.389.934)
TỔNG CỘNG		(28.587.538.129)	-	-	(28.587.538.129)

(1) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính của hoạt động xây lắp và hoạt động khác theo các tờ kê khai thuế của Tổng Công ty và chưa được quyết toán bởi cơ quan thuế tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các khoản lỗ thuế nêu trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	Công ty con	Góp vốn vào công ty con bằng tiền và khoản nợ phải thu	5.957.985.181	1.092.787.228
		Doanh thu xây lắp	170.958.953.456	-
Công ty TNHH Đầu tư CTL	Công ty con	Cho vay	23.800.823.946	-
		Góp vốn vào công ty con bằng tiền và khoản nợ phải thu	-	2.334.224.631
Công ty Cổ phần CTX số 1	Công ty con	Giá trị công trình xây lắp được nghiệm thu	1.832.628.981	10.207.743.821
		Thanh toán và tạm ứng giá trị công trình xây lắp	18.716.832.661	14.517.409.273
Công ty TNHH MTV Quản lý Bất động sản Constrexim	Công ty con	Doanh thu cho công ty con thuê tài sản	909.090.909	2.238.744.435
		Công ty con trả tiền thuê	1.800.000.000	1.243.441.650
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Công ty con	Góp vốn vào công ty con bằng tiền và khoản nợ phải thu	1.022.711.140	664.300.289
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim	Công ty nhận vốn đầu tư	Giá trị công trình đã nghiệm thu	6.567.698.232	23.459.583.268
		Thanh toán giá trị công trình đã nghiệm thu	7.244.064.080	42.698.330.476
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Giá trị công trình đã nghiệm thu	3.514.318.182	1.325.122.820
		Thanh toán giá trị công trình đã nghiệm thu	3.700.242.162	10.560.200.151
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết	Thanh toán giá trị công trình đã nghiệm thu	879.000.000	3.108.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim	Công ty liên kết	Thanh toán giá trị công trình đã nghiệm thu	3.367.300.000	2.124.911.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Thương mại Constrexim	Công ty con	Nhận gốc vay	2.741.439.988	-
		Nhận tiền thanh toán khoản cho vay và hoàn trả khoản ứng trước	2.822.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dự án Du lịch Quảng Nam	Công ty con	Góp vốn vào công ty con	4.087.118.018	-

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	Công ty nhận vốn đầu tư	Tạm ứng giá trị công trình	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và Xây lắp cao tầng	Công ty nhận vốn đầu tư	Giá trị công trình đã nghiệm thu Thanh toán giá trị công trình đã nghiệm thu	-	1.671.185.916
			-	5.860.713.592
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	Công ty nhận vốn đầu tư	Giảm giá trị công trình nghiệm thu	1.077.174.716	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Đi vay từ cổ đông lớn	101.700.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings	Công ty nhận vốn đầu tư	Thanh toán giá trị công trình đã nghiệm thu Bù trừ công nợ	1.179.000.000 551.664.299	- -

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Tổng Công ty vay và cho vay đối với các bên liên quan, cung cấp dịch vụ và bán hàng cũng như mua dịch vụ xây lắp từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Tổng Công ty cũng thực hiện các giao dịch đi vay và cho vay với các bên liên quan theo lãi suất và kỳ hạn đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và số 6.2, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và tạm ứng khó thu hồi từ các bên liên quan với số tiền là: 31 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 33,8 tỷ đồng). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan cuối kỳ như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	Công ty nhận vốn đầu tư	Phải thu tiền hàng nhập khẩu ủy thác	10.097.942.200	10.097.942.200
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Vật liệu xây dựng mua hộ	5.916.570.420	5.916.570.420
Công ty TNHH MTV Quản lý Bất động sản Constrexim	Công ty con	Phải thu tiền cho thuê văn phòng	359.525.742	1.061.415.201
Công ty Cổ phần CTX số 1	Công ty con	Phải thu tiền cho thuê văn phòng	2.029.796.142	2.029.796.142
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Phải thu phí bảo lãnh các công trình	45.587.656	45.587.656
			18.449.422.160	19.151.311.619
<i>Trả trước cho người bán</i> (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	7.544.509.825	7.552.499.985
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	6.153.129.711	5.074.129.711
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	5.799.347.087	5.442.647.087
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	Công ty nhận vốn đầu tư	Tạm ứng cho nhà thầu	8.995.411.783	7.649.393.450
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	Công ty nhận vốn đầu tư	Tạm ứng cho nhà thầu	3.343.376.794	3.339.484.016
Các bên liên quan khác		Tạm ứng cho nhà thầu	5.388.094.424	4.142.607.271
			37.223.869.624	33.200.761.520

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan cuối kỳ như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Cho vay (*)	10.347.397.700	10.347.397.700
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	Công ty nhận vốn đầu tư	Cho vay (*)	208.971.219	208.971.219
Công ty TNHH Đầu tư CTL	Công ty con	Cho vay (*)	32.488.842.190	-
Công ty Cổ phần Constrexim TIC	Công ty con	Cho vay (*)	-	2.000.000.000
			43.045.211.109	12.556.368.919

(*) Các khoản cho vay này không có thời hạn, không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim (CIC)	Công ty nhận vốn đầu tư	Phải thu khác	240.000.000	240.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Phải thu trả hộ vốn góp	597.500.000	597.500.000
Công ty Cổ phần CTX số 1	Công ty con	Tạm ứng	1.056.224.087	683.311.796
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	Công ty con	Chi trả hộ khoản gốc vay ngân hàng	621.989.417	522.415.339
Công ty Cổ phần Constrexim TIC	Công ty con	Phải thu khác	-	822.000.000
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	Tạm ứng kinh phí	-	8.681.163.668
			2.515.713.504	11.546.390.803

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan cuối kỳ như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17.1)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	Công ty liên kết	Chi phí xây lắp	72.605.995.614	72.649.978.481
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Chi phí xây lắp	761.275.244	713.275.244
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết	Chi phí xây lắp	4.788.088.486	6.783.483.609
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Constrexim (ICC)	Công ty liên kết	Chi phí xây lắp	19.970.000	19.970.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết	Chi phí xây lắp	52.034.331.153	53.822.631.153
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	Công ty liên kết	Chi phí xây lắp	5.634.930.318	5.164.416.214
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Chi phí xây lắp	3.877.888.596	3.403.680.758
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	44.336.298.502	46.820.771.749
Công ty Cổ phần CTX số 1	Công ty con	Chi phí xây lắp	33.463.112.619	50.179.053.401
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim (CIC)	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	16.449.025.669	12.716.058.384
Công ty Cổ phần Constrexim Hải Phòng	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	507.450.454	507.450.454
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	7.969.143.854	9.203.829.971
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cảnh Viên	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	1.757.443.515	1.757.443.515
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và Xây lắp Cao tầng	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	17.950.456.511	15.457.380.511
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	29.065.891.787	29.065.891.787
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	2.823.532.147	2.823.532.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan cuối kỳ như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải trả cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17.1) (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	Công ty con	Phải trả tiền mua ô tô	760.540.000	760.540.000
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí xây lắp	2.683.302.994	2.691.901.961
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Chi phí xây dựng	1.253.826.095	1.253.826.095
			298.742.503.558	315.795.115.434
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 17.2)				
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Công ty con	Tạm ứng theo hợp đồng xây dựng	1.560.655.944	1.560.655.944
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	Công ty con	Tạm ứng theo hợp đồng xây dựng	81.173.410.127	258.136.234.504
			82.734.066.071	259.696.890.448
Chi phí phải trả (Thuyết minh số 19)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	8.590.825.578	244.444.444
Lý Quốc Hùng	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	-	291.977.778
Phan Thị Thu Hằng	Bên liên quan khác	Lãi vay phải trả	-	240.000.000
Trần Anh Tú	Thành viên Ban kiểm soát	Lãi vay phải trả	-	116.255.556
Đỗ Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	Lãi vay phải trả	-	435.064.467
Công ty Cổ phần CTX số 1	Công ty con	Chi phí xây lắp phải trả	15.277.248.560	16.488.515.531
			23.868.074.138	17.816.257.776
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21)				
Công ty Cổ phần Constrexim Hải Phòng	Công ty nhận vốn đầu tư	Phải trả khác	167.266.251	167.266.251
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Tân	Công ty liên kết	Mượn vốn không chịu lãi và không có tài sản thế chấp	9.500.000.000	9.500.000.000
			9.667.266.251	9.667.266.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan cuối kỳ như sau: (tiếp theo)

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Vay dài hạn (Thuyết minh số 22)				
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	Công ty con	Gốc vay phải trả	13.716.798.231	14.179.885.231
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Thương mại Constrexim	Công ty con	Gốc vay phải trả	2.741.439.988	-
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	Công ty con	Gốc vay phải trả	31.783.165.380	31.878.235.380
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Gốc vay phải trả	169.650.000.000	5.000.000.000
Đỗ Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	Gốc vay phải trả	-	8.700.000.000
Phan Thị Thu Hằng	Bên liên quan khác	Gốc vay phải trả	-	10.000.000.000
Lý Quốc Hùng	Cổ đông lớn	Gốc vay phải trả	-	34.500.000.000
Trần Anh Tú	Thành viên Ban kiểm soát	Gốc vay phải trả	-	9.750.000.000
			217.891.403.599	114.008.120.611

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương và thưởng	810.454.000	886.200.000
TỔNG CỘNG	810.454.000	886.200.000

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp.

Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây lắp	Các hoạt động khác	Tổng cộng
	-	178.645.901.640	947.770.885	179.593.672.525
	11.100.355.236	(23.722.421.136)	(2.916.974.516)	(15.539.040.416)
	(2.220.071.047)	-	-	(2.220.071.047)
	8.880.284.189	(23.722.421.136)	(2.916.974.516)	(17.759.111.463)

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng

6 năm 2016

Doanh thu thuần
Kết quả
Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế
Chi phí thuế TNDN

Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tổng tài sản

Tài sản bộ phận
Tài sản không phân bổ (i)

Tổng nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận
Nợ phải trả không phân bổ (ii)

	844.924.941.238	371.752.042.035	31.411.468.399	2.057.020.074.740
				1.248.088.451.672
				808.931.623.068
	721.585.251.565	458.367.873.483	306.379.549.527	1.532.355.800.157
				1.486.332.674.575
				46.023.125.582

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây lắp	Hoạt động thương mại và các hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015				
Doanh thu thuần	-	16.080.767.241	105.102.388.187	121.183.155.428
Kết quả	17.416.309.550	(2.771.509.998)	(9.387.499.295)	5.257.300.257
Tổng lợi nhuận trước thuế	(3.831.588.101)	-	-	(3.831.588.101)
Chi phí thuế TNDN				
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	13.584.721.449	(2.771.509.998)	(9.387.499.295)	1.425.712.156

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tổng tài sản	809.185.443.164	409.500.518.553	61.713.613.857	2.126.621.917.062
Tài sản bộ phận	809.185.443.164	409.500.518.553	61.713.613.857	1.280.399.575.574
Tài sản không phân bổ (i)				846.222.341.488
Tổng nợ phải trả	646.112.526.708	409.187.064.917	469.940.565.779	1.584.198.531.016
Nợ phải trả bộ phận	646.112.526.708	409.187.064.917	469.940.565.779	1.525.240.157.404
Nợ phải trả không phân bổ (ii)				58.958.373.612

(i) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, một số tài sản cố định và một số tài sản khác.

(ii) Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa, cổ tức phải trả cổ đông và một số khoản nợ phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ SỰ KIẾN TIỀM TÀNG

Các cam kết về chi phí xây dựng các dự án bất động sản và chi phí thi công các hợp đồng xây dựng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có các cam kết về chi phí xây dựng các dự án bất động sản và chi phí thi công các hợp đồng xây dựng với giá trị khoảng 73 tỷ đồng.

Cam kết bàn giao lại cơ sở hạ tầng cho thành phố

Theo Công văn số 985/UB – NNĐC do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2004, diện tích tầng 1 các tòa nhà cao tầng trong Khu Đô thị mới Yên Hòa do Nhà nước thống nhất quản lý và Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao diện tích tầng 1 này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định.

Cam kết đầu tư

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có các cam kết góp vốn đầu tư như sau:

	<i>Giá trị (VND)</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	51.382.658.129
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	5.826.986.659
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Tân	25.735.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	2.450.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	1.350.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cảnh Viên	234.300.000
Công ty TNHH MTV Dự án du lịch Quảng Nam	38.760.732.024
TỔNG CỘNG	<u>125.739.676.812</u>

Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Khoản tiền thuê văn phòng mà Tổng Công ty phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	<u>1.277.015.082</u>	<u>2.837.909.486</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.277.015.082</u>	<u>2.837.909.486</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động đối với Công ty TNHH MTV Quản lý Bất động sản Constrexim, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

Các tài sản thuộc Khu đô thị Yên Hòa

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 13, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với một số tài sản thuộc tòa nhà CT3 và CT6 trong khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa. Tổng Công ty tin tưởng rằng kết quả cuối cùng của các cơ quan Nhà nước hữu quan sẽ có lợi cho Tổng Công ty, nên Tổng Công ty tiếp tục ghi nhận các tài sản này là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

